

Bản án số: **47/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 01/8/2023
V/v: “*Ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG - TỈNH BÌNH THUẬN

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Hải Âu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Trọng Di
2. Bà: Nguyễn Thị Bích Lam

- Thư ký phiên tòa: Ông Hán Tấn Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 168/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Văn Thị T, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: thôn VH, xã H, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận

Nơi ở hiện nay: Khu phố 5, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Trần Văn T1, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn VH, xã H, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Văn Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn T1 tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1983, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sinh sống định cư tại thôn VH, xã H, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống vợ chồng nhiều lần phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T1 tính tình gia trưởng, những khi vợ chồng tranh cãi ông T1 có hành vi bạo lực, vài lần đánh xúc phạm bà, nhiều lần đuổi bà ra khỏi nhà, vì con cái bà cố gắng chịu đựng tiếp tục chung sống với ông T1. Đến năm 2018 cuộc sống chung giữa bà và ông T1 ngày càng căng thẳng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ

chồng rạn nứt nên bà chuyển về sinh sống tại thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Từ đó bà T và ông T1 không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay, bà yêu cầu ly hôn với ông T1 vì cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

- *Về con chung*: Bà Văn Thị T và ông Trần Văn T1 có 04 người con chung tên Trần Vĩnh T2, sinh năm 1984; Trần Thị Thu T3, sinh năm 1986; Trần Vĩnh T4, sinh năm 1989 và Trần Vĩnh T5, sinh năm 1994. Tất cả các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà Văn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà Văn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình giải quyết bị đơn ông Trần Văn T1 trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông và bà Văn Thị T chung sống với nhau vào năm 1983 trên cơ sở tự nguyện yêu thương nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau rồi bà T bỏ đi về thị trấn L, huyện Tuy Phong sinh sống, không còn chung sống với ông cho đến nay. Nay, ông đồng ý ly hôn với bà Văn Thị T vì vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình nghĩa.

- *Về con chung*: Ông và bà Văn Thị T có 04 người con chung tên Trần Vĩnh T2, sinh năm 1984; Trần Thị Thu T3, sinh năm 1986; Trần Vĩnh T4, sinh năm 1989 và Trần Vĩnh T5, sinh năm 1994. Tất cả các con đã trưởng thành, ông không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: ông Trần Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: ông Trần Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tại phiên tòa:**

Về việc kiểm sát tuân theo pháp luật, thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân theo đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Văn Thị T đối với ông Trần Văn T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Văn Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Văn T1. Bị đơn ông Trần Văn T1 có nơi đăng ký thường trú thôn VH, xã H, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Bà Văn Thị T và ông Trần Văn T1 xác lập quan hệ vợ chồng trước ngày 03 tháng 01 năm 1987 nhưng không đăng ký kết hôn, nay có yêu cầu ly hôn. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận. Nên đây là quan hệ tranh chấp “ly hôn” và thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn T1 đề nghị Tòa giải quyết, xét xử vắng mặt ông. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Trần Văn T1.

[3] Về nội dung vụ án:

- *Xét về quan hệ hôn nhân*: Bà Văn Thị T và ông Trần Văn T1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1983, không có đăng ký kết hôn. Mặc dù, ông bà không đăng ký kết hôn nhưng Văn Thị T và ông Trần Văn T1 đều thừa nhận ông bà xác lập quan hệ vợ chồng trước ngày 03/01/1987 nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và trầm trọng đến mức vợ chồng không còn sống chung với nhau trong khoảng thời gian dài, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chứng tỏ, hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

- *Về con chung*: Bà Văn Thị T và ông Trần Văn T1 có 04 người con chung tên Trần Vĩnh T2, sinh năm 1984; Trần Thị Thu T3, sinh năm 1986; Trần Vĩnh T4, sinh năm 1989 và Trần Vĩnh T5, sinh năm 1994. Hiện tất cả các con đã trưởng thành. Bà T và ông T1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về tài sản và nợ chung*: Bà Văn Thị T và ông Trần Văn T1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Văn Thị T là người có yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Văn Thị T đối với ông Trần Văn T1. Bà Văn Thị T được ly hôn với ông Trần Văn T1.

2/ Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí: Bà Văn Thị T phải nộp 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Văn Thị T đã nộp theo biên lai thu số 00016979 ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong nên án phí sơ thẩm bà Văn Thị T đã nộp đủ.

5/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Văn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/8/2023). Đối với bị đơn ông Trần Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND (huyện TP+TĩnhBT);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND xã H.
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Hải Âu